

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày
30/06/2018



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 38

4064C
CÔNG T
THIÊM H
PKE
ET N/

JÂN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV**

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV theo Quyết định số 118/QĐ-TKV ngày 28/01/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104944595 thay đổi lần 6 ngày 03/02/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 86.000.000.000 VND được chia thành 8.600.000 cổ phần. Danh sách cổ đông trong kỳ tài chính và cho đến ngày lập Báo cáo này là:

TT	Tên cổ đông	Số vốn góp (VND)	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	79.120.000.000	92%
2	Các cổ đông khác	6.880.000.000	8%
Cộng		86.000.000.000	100%

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Quang Bình	Chủ tịch
- Ông Lê Đức Long	Ủy viên
- Ông Đặng Quốc Tuấn	Ủy viên
- Ông Nguyễn Danh Tuyên	Ủy viên
- Ông Nguyễn Vũ Hải	Ủy viên

Ban kiểm soát:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Văn Tấn	Trưởng ban (*)
- Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban (**)
- Bà Vũ Thị Thủy	Thành viên
- Bà Trần Thị Kim Thanh	Thành viên

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

- (*) Ông Nguyễn Văn Tấn miễn nhiệm chức vụ Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV kể từ ngày 21/04/2018 theo Nghị quyết số 14/NQ-VBG ngày 21/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông;
- (**) Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt được bổ nhiệm là Trưởng ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV kể từ ngày 21/04/2018 theo Nghị quyết số 14/NQ-VBG ngày 21/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông;

Ban Giám đốc:

<u>Ho và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Đức Long	Giám đốc
- Ông Nguyễn Danh Tuyên	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Vũ Hải	Phó Giám đốc

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại số nhà 30B, phố Đoàn Thị Điểm, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và 01 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Xí nghiệp địa chất 109 có địa chỉ tại Xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30/06/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/06/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018



Lê Đức Long

Giám đốc

Số: 23 /2018/BCSX - PKF.VPC

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV được lập ngày 14/08/2018, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 38 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV tại ngày 30/06/2018 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Như Tiến

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0449-2018-242-1

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC -TKV**

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		70.924.267.896	163.551.031.685
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	9.756.091.911	4.882.046.423
Tiền	111		4.756.091.911	4.882.046.423
Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.123.014.959	155.699.412.999
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	28.837.351.372	155.602.443.870
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		266.499.000	168.189.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	1.550.740.679	1.658.131.421
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.4	(1.531.576.092)	(1.729.351.292)
Hàng tồn kho	140	5.5	29.421.887.131	918.088.430
Hàng tồn kho	141		29.421.887.131	918.088.430
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.623.273.895	2.051.483.833
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	1.363.423.483	2.051.483.833
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.259.850.412	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.253.306.462	28.719.667.862
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		23.314.524.574	27.082.309.073
TSCĐ hữu hình	221	5.6	23.060.710.458	26.808.072.461
- Nguyên giá	222		108.728.179.167	109.291.622.667
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(85.667.468.709)	(82.483.550.206)
TSCĐ vô hình	227	5.7	253.814.116	274.236.612
- Nguyên giá	228		1.340.119.155	1.340.119.155
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.086.305.039)	(1.065.882.543)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		938.781.888	1.637.358.789
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	938.781.888	1.637.358.789
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		95.177.574.358	192.270.699.547

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC -TKV**

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
NỢ PHẢI TRẢ	300		13.652.815.768	100.697.744.732
Nợ ngắn hạn	310		13.652.815.768	100.697.744.732
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	5.382.959.362	39.411.175.085
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		74.937.808	-
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	3.416.103	10.188.597.926
Phải trả người lao động	314		985.117.519	14.505.357.518
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	138.825.338	299.694.491
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	5.275.954.808	14.223.774.454
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.9	-	20.617.616.278
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.791.604.830	1.451.528.980
Nợ dài hạn	330		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		81.524.758.590	91.572.954.815
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	81.524.758.590	91.572.954.815
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		86.000.000.000	86.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		86.000.000.000	86.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		414.589.825	414.589.825
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.889.831.235)	5.158.364.990
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(4.889.831.235)	5.158.364.990
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		95.177.574.358	192.270.699.547

Hà Nội ngày 14 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Dũng

Cao Thị Tuyết Lan

Lê Đức Long

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC -TKV**

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	353.989.169	340.662.840
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp DV	10		353.989.169	340.662.840
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.2	562.724.967	6.463.928
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(208.735.798)	334.198.912
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	11.317.859	14.071.856
Chi phí tài chính	22	6.4	799.788.412	1.024.989.472
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		799.788.412	1.024.989.472
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	3.789.585.865	2.058.782.095
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.786.792.216)	(2.735.500.799)
Thu nhập khác	31		14.132.727	-
Chi phí khác	32	6.5	117.171.746	149.689.779
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(103.039.019)	(149.689.779)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.889.831.235)	(2.885.190.578)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(4.889.831.235)	(2.885.190.578)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(569)	(335)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Hà Nội ngày 14 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Nguyễn Duy Dũng

Cao Thị Tuyết Lan



Lê Đức Long

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC -TKV**

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(4.889.831.235)	(2.885.190.578)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.767.784.499	5.848.652.119
Các khoản dự phòng	03	(197.775.200)	-
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17.517.859)	(14.071.856)
Chi phí lãi vay	06	799.788.412	1.024.989.472
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(537.551.383)	3.974.379.157
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	125.514.322.828	144.985.026.582
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(28.503.798.701)	(61.643.114.856)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(65.191.670.549)	(65.333.819.241)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	1.386.637.251	1.100.371.406
Tiền lãi vay đã trả	14	(791.635.019)	(1.045.617.142)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.348.969.670)	(1.131.905.217)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	185.800.000	121.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(714.089.140)	(135.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	29.999.045.617	20.891.120.689
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	-	(1.279.200.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	6.200.000	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.317.859	14.071.856
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	17.517.859	(1.265.128.144)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	13.023.013.544	34.583.395.216
Tiền trả nợ gốc vay	34	(33.640.629.822)	(50.284.629.159)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.524.901.710)	(323.458.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(25.142.517.988)	(16.024.692.693)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50	4.874.045.488	3.601.299.852
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	60	4.882.046.423	3.036.160.059
Tiền và tương đương tiền cuối năm	61	-	-
	70	9.756.091.911	6.637.459.911

Hà Nội ngày 14 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Nguyễn Duy Dũng

Cao Thị Tuyết Lan



Lê Đức Long

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Địa Chất Việt Bắc - TKV được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Địa Chất Việt Bắc - TKV theo Quyết định Quyết định số 118/QĐ-TKV ngày 28/01/2015 của Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104944595 thay đổi lần 6 ngày 03/02/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Nghành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của công ty là Hoạt động thăm dò địa chất và nguồn nước; Đo đạc bản đồ; Tư vấn kỹ thuật liên quan đến lập phương án thăm dò, phương án thi công các công trình địa chất, lập báo cáo địa chất, lập bản đồ các loại; Đánh giá tác động môi trường các công trình khai thác mỏ, dân dụng, công nghiệp; Khai thác khoáng sản ngoài than; Xây dựng nhà các loại, công trình đường bộ, dân dụng; Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có văn phòng chính tại số nhà 30B, phố Đoàn Thị Điểm, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, Công ty có 01 Xí nghiệp trực thuộc là Xí nghiệp địa chất 109 có địa chỉ: xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đến ngày 30/06/2018, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 430 người, trong đó số cán bộ quản lý là 35 người.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. KỲ TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được phân loại thành tài sản và nợ phải trả, vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam lần lượt theo tỷ giá mua vào và bán ra của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được thực hiện theo Công văn số 3521/TKV-KTTC ngày 04/07/2018 của Tập đoàn, cụ thể như sau:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là 22.920 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.990 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.990 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như nêu trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính theo chuẩn mực kế toán số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

4.4 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu :

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn ;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn ;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: Bình quân gia quyền
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định căn cứ vào khối lượng công việc đã thực hiện chưa được nghiệm thu, đơn giá sử dụng để ghi nhận doanh thu và tỷ lệ đánh giá sản phẩm dở dang.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc:	5 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị:	5 - 10 năm
- Phương tiện vận tải:	6 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý:	3 - 5 năm
- Tài sản khác:	4 năm

4.6.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Phần mềm quản lý:	3 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, lợi thế thương mại phát sinh khi cổ phần hóa và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Chi phí phải trả của Công ty gồm tiền lãi vay phải trả.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Công ty hoạt động theo Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 03/02/2016 với mã số doanh nghiệp là 0104944595, và cho đến ngày kết thúc kỳ tài chính các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV**

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy CNĐKKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	79.120.000.000	79.120.000.000	100%
Các cổ đông khác	6.880.000.000	6.880.000.000	100%
Cộng	86.000.000.000	86.000.000.000	100%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được sự chấp nhận của khách hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu dịch vụ tư vấn được ghi nhận trên cơ sở giá trị hoá đơn tài chính được phát hành, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và được khách hàng chấp nhận thanh toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, dựa trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.13 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định.

4.14 Thuế**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Hàng hoá và dịch vụ do Công ty cung cấp chịu thuế giá trị gia tăng theo các mức thuế sau:

- Doanh thu cung cấp nước sạch: 5%
- Doanh thu cung cấp dịch vụ: 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty tính và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV**

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	3.139.304.594	660.746.866
Tiền gửi ngân hàng (ii)	1.616.787.317	4.221.299.557
Các khoản tương đương tiền (iii)	5.000.000.000	-
Cộng	9.756.091.911	4.882.046.423
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 30/06/2018 bao gồm:		
	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		3.139.304.594
Cộng		3.139.304.594
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2018 bao gồm:		
	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		1.616.787.317
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tuyên Quang</i>		41.949.245
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tuyên Quang</i>		730.361.605
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - SGD Hà Nội</i>		448.122.513
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hai Bà Trưng</i>		396.353.954
Cộng		1.616.787.317
(iii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30/06/2018 bao gồm::		
	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		5.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - SGD		5.000.000.000
Cộng		5.000.000.000

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV**

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.2 Phải thu khách hàng

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	28.837.351.372	155.602.443.870
Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP	4.845.227.960	20.294.796.085
Công ty Than Hạ Long - TKV	3.076.226.040	3.472.203.431
Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin	2.855.525.306	12.172.780.270
Công ty Than Mạo Khê - TKV	5.408.295.117	30.070.988.769
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	5.533.163.194	29.918.264.776
Các khoản phải thu khách hàng khác	7.118.913.755	59.673.410.539
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	28.837.351.372	155.602.443.870

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem Thuyết minh 7.3

5.3 Phải thu khác

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.550.740.679	-	1.658.131.421	-
Phải thu tạm ứng	1.077.238.562	-	1.039.049.472	-
Phải thu khác	473.502.117	-	619.081.949	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.550.740.679	-	1.658.131.421	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV**

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.4 Nợ xấu

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó:	1.923.148.004	-	2.205.684.004	-
- Từ 3 năm trở lên	617.908.297	-	617.908.297	-
Công ty TNHH NN MTV Khảo sát và xây dựng	528.066.400	-	528.066.400	-
Công ty CP phát triển khoáng sản 4	89.841.897	-	89.841.897	-
- Các đối tượng khác:	1.305.239.707	-	1.587.775.707	-
Công ty CP Kim loại màu Tuyên Quang	1.305.239.707	-	1.505.239.707	-
Đoàn địa chất 117	-	-	82.536.000	-

5.5 Hàng tồn kho

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.438.076.238	-	755.515.448	-
Công cụ, dụng cụ	143.159.311	-	162.572.982	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.840.651.582	-	-	-
Cộng	29.421.887.131	-	918.088.430	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị vận phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	7.743.064.939	85.693.606.416	14.998.130.807	803.378.182	53.442.323	109.291.622.667
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(563.443.500)	-	-	-	(563.443.500)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7.743.064.939	85.130.162.916	14.998.130.807	803.378.182	53.442.323	108.728.179.167
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu kỳ	2.553.580.969	70.675.991.940	8.804.087.194	396.447.780	53.442.323	82.483.550.206
- Khấu hao trong kỳ	219.451.580	2.511.343.976	951.864.784	64.701.663	-	3.747.362.003
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Hao mòn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(563.443.500)	-	-	-	(563.443.500)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.773.032.549	72.623.892.416	9.755.951.978	461.149.443	53.442.323	85.667.468.709
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	5.189.483.970	15.017.614.476	6.194.043.613	406.930.402	-	26.808.072.461
Tại ngày cuối kỳ	4.970.032.390	12.506.270.500	5.242.178.829	342.228.739	-	23.060.710.458

- Giá trị còn lại của tài sản cầm cố thế chấp:

- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết, đang sử dụng:

- Nguyên giá của tài sản chờ thanh lý:

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình.

-
59.877.818.855

-
Không
Không

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.7 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	397.500.000	942.619.155	1.340.119.155
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-
- Điều chuyển	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	397.500.000	942.619.155	1.340.119.155
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu kỳ	397.500.000	668.382.543	1.065.882.543
- Khấu hao trong kỳ	-	20.422.496	20.422.496
- Hao mòn trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	397.500.000	688.805.039	1.086.305.039
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	-	274.236.612	274.236.612
Tại ngày cuối kỳ	-	253.814.116	253.814.116
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:			-
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng:			931.669.155
- Thuyết minh số liệu và giải trình khác:			Không

5.8 Chi phí trả trước

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a. Ngắn hạn	1.363.423.483	2.051.483.833
Phân bổ công cụ dụng cụ	1.354.423.483	1.017.360.051
Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.000.000	1.034.123.782
b. Dài hạn	938.781.888	1.637.358.789
Phân bổ công cụ dụng cụ	740.230.417	1.270.225.882
Xác định lại lợi thế kinh doanh	198.551.471	367.132.907
Cộng	2.302.205.371	3.688.842.622

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.9 Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2018 (VND)		Tăng trong năm	Giảm trong năm	30/06/2018 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	20.617.616.278	20.617.616.278	13.023.013.544	33.640.629.822	-	-
Các khoản vay ngắn hạn	20.617.616.278	20.617.616.278	13.023.013.544	33.640.629.822	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - SGD 1	20.617.616.278	20.617.616.278	13.023.013.544	33.640.629.822	-	--
Vay dài hạn có hạn trả 12 tháng tới	-	-	-	-	-	-
b. Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	20.617.616.278	20.617.616.278	13.023.013.544	33.640.629.822	-	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.10 Phải trả người bán

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	5.382.959.362	5.382.959.362	39.411.175.085	39.411.175.085
Công ty CP khoan và dịch vụ khai thác mỏ	1.082.789.967	1.082.789.967	1.857.153.983	1.857.153.983
Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Phụng Hoàng	953.921.100	953.921.100	187.407.000	187.407.000
Nguyễn Thành Sơn	625.055.652	625.055.652	625.055.652	625.055.652
Các khoản phải trả đối tượng khác	2.721.192.643	2.721.192.643	36.741.558.450	36.741.558.450
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	5.382.959.362	5.382.959.362	39.411.175.085	39.411.175.085

Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem các phụ biểu đính kèm

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2018 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2018 (VND)
a. Phải nộp	10.188.597.926	615.480.483	10.800.662.306	3.416.103
Thuế giá trị gia tăng	8.827.608.633	-	8.827.608.633	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.348.969.670	-	1.348.969.670	-
Thuế thu nhập cá nhân	12.019.623	228.089.773	236.693.293	3.416.103
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	278.995.969	278.995.969	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	104.394.741	104.394.741	-
Cộng	10.188.597.926	615.480.483	10.800.662.306	3.416.103
b. Phải thu	-	-	-	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.12 Chi phí phải trả

	30/06/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Chi phí phải trả ngắn hạn	138.825.338	299.694.491
Trích trước chi phí lãi vay	-	30.869.153
Chi phí hoàn nguyên môi trường	138.825.338	268.825.338
Chi phí phải trả dài hạn	-	-
Cộng	138.825.338	299.694.491

5.13 Phải trả khác

	30/06/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a. Ngắn hạn	5.275.954.808	14.223.774.454
Kinh phí công đoàn	210.264.407	328.177.090
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế	651.121.971	204.360.761
Phải trả tạm ứng	-	9.318.459.921
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.962.201.314	3.187.103.024
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.452.367.116	1.185.673.658
b. Dài hạn	-	-
Cộng	5.275.954.808	14.223.774.454

40-C
 TỶ
 HỮU
 T
 AM
 -T.P

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.14 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quý ĐT PT		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	86.000.000.000		-		-		-		5.251.966.085		91.572.954.815	
Tăng vốn trong năm trước	-		-		-		-		-		-	
Lãi trong năm trước	-		-		-		-		5.158.364.990		5.158.364.990	
Tăng khác	-		-		-		414.589.825		-		414.589.825	
Lỗ trong năm trước	-		-		-		-		-		-	
Phân phối lợi nhuận	-		-		-		-		(5.251.966.085)		(5.251.966.085)	
Giảm khác	-		-		-		-		-		-	
Số dư cuối năm trước	86.000.000.000		-		-		414.589.825		5.158.364.990		91.572.954.815	
Tăng vốn trong kỳ này	-		-		-		-		-		-	
Lãi trong kỳ này	-		-		-		-		-		-	
Tăng khác	-		-		-		-		-		-	
Lỗ trong kỳ này	-		-		-		-		(4.889.831.235)		(4.889.831.235)	
Phân phối lợi nhuận	-		-		-		-		(5.158.364.990)		(5.158.364.990)	
Giảm khác	-		-		-		-		-		-	
Số dư cuối kỳ	86.000.000.000		-		-		414.589.825		(4.889.831.235)		81.524.758.590	

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV**

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Vốn đầu tư của Nhà nước	79.120.000.000	79.120.000.000
Vốn đầu tư của cổ đông	6.880.000.000	6.880.000.000
Cộng	86.000.000.000	86.000.000.000

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 Cổ phiếu

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn đầu tư đầu năm	86.000.000.000	86.000.000.000
Vốn đầu tư tăng trong năm	-	-
Vốn đầu tư giảm trong năm	-	-
Vốn đầu tư cuối năm	86.000.000.000	86.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.300.000.000	3.870.000.000

Cổ phiếu

	30/06/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.600.000	8.600.000
Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.600.000	8.600.000
Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV**

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	353.989.169	340.662.840
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	353.989.169	340.662.840

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Giá vốn hàng hoá đã bán	562.724.967	6.463.928
Cộng	562.724.967	6.463.928

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.317.859	14.071.856
Cộng	11.317.859	14.071.856

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lãi tiền vay	799.788.412	1.024.989.472
Cộng	799.788.412	1.024.989.472

6.5 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán	6.200.000	-
Thu nhập khác	7.932.727	-
Cộng	14.132.727	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV**

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

6.6 Chi phí khác

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Các khoản bị phạt chậm nộp	117.171.746	149.689.779
Cộng	117.171.746	149.689.779

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.789.585.865	2.058.782.095
Chi phí nhân viên	1.859.760.729	1.001.828.233
Các khoản khác	1.929.825.136	1.056.953.862
b. Chi phí bán hàng	-	-
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.458.832.196	20.152.574.152
Chi phí nhân công	12.017.813.807	24.576.230.284
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.767.784.499	5.848.652.119
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.719.756.448	6.885.670.142
Chi phí khác bằng tiền	5.145.735.622	5.252.796.533
Cộng	33.109.922.572	62.715.923.230

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(4.889.831.235)	(2.885.190.578)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	(4.889.831.235)	(2.885.190.578)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.600.000	8.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(569)	(335)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty mẹ.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty không đầu tư cổ phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 30/06/2018			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.756.091.911	-	9.756.091.911
Phải thu khách hàng	28.837.351.372	-	28.837.351.372
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	473.502.117	-	473.502.117
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.531.576.092)	-	(1.531.576.092)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	37.535.369.308	-	37.535.369.308

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV**

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 30/06/2018			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	5.382.959.362	-	5.382.959.362
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	5.414.780.146	-	5.414.780.146
Tổng cộng	10.797.739.508	-	10.797.739.508
Chênh lệch thanh khoản thuần	26.737.629.800	-	26.737.629.800

Ngày 01/01/2018***Giá trị ghi sổ:***

Tiền và các khoản tương đương tiền	4.882.046.423	-	4.882.046.423
Phải thu khách hàng	155.602.443.870	-	155.602.443.870
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	619.081.949	-	619.081.949
Tài sản tài chính khác	-	-	-

Trừ:

Dự phòng phải thu khó đòi	(1.729.351.292)	-	(1.729.351.292)
Dự Phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	159.374.220.950	-	159.374.220.950

Ngày 01/01/2018

Các khoản vay và nợ	20.617.616.278	-	20.617.616.278
Phải trả người bán	39.411.175.085	-	39.411.175.085
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	14.523.468.945	-	14.523.468.945
Tổng cộng	74.552.260.308	-	74.552.260.308
Chênh lệch thanh khoản thuần	84.821.960.642	-	84.821.960.642

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
30/06/2018	01/01/2018	30/06/2018	01/01/2018

Tài sản tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	-	-	-	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV**

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2018	01/01/2018	30/06/2018	01/01/2018
<i>Phải thu khách hàng</i>	28.837.351.372	155.602.443.870	27.305.775.280	155.602.443.870
<i>Các khoản phải thu khác</i>	473.502.117	619.081.949	473.502.117	619.081.949
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	9.756.091.911	4.882.046.423	9.756.091.911	4.882.046.423
Tổng cộng	39.066.945.400	161.103.572.242	37.535.369.308	161.103.572.242

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	-	20.617.616.278	-	20.617.616.278
<i>Phải trả người bán</i>	5.382.959.362	39.411.175.085	5.382.959.362	39.411.175.085
<i>Phải trả khác</i>	5.414.780.146	14.523.468.945	5.414.780.146	14.523.468.945
Tổng cộng	10.797.739.508	74.552.260.308	10.797.739.508	74.552.260.308

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

7.2 Báo cáo bộ phận

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ khoan thăm dò, doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10% về doanh thu và dưới 10% về tài sản để thực hiện các hoạt động khác này). Do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại Thành phố Hà Nội nên công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực).

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV**

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

7.3 Thông tin về các bên có liên quanCác bên liên quan:

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018, các bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Địa chỉ	Quan hệ	
		Diễn giải	% sở hữu
Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam	Hà Nội	Công ty mẹ	92%
Ông Lê Quang Bình	Hà Nội	Chủ tịch HĐQT	-
Ông Lê Đức Long	Hà Nội	Ủy viên HĐQT, Giám đốc công ty	0,39%
Ông Đặng Quốc Tuấn	Hà Nội	Ủy viên HĐQT	-
Ông Nguyễn Danh Tuyên	Hà Nội	Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc công ty	0,19%
Ông Nguyễn Vũ Hải	Hà Nội	Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc công ty	0,57%
Ông Nguyễn Văn Tấn	Hà Nội	Kiểm soát viên của công ty mẹ	-
Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt	Hà Nội	Trưởng ban kiểm soát	0,0023%
Bà Vũ Thị Thủy	Hà Nội	Thành viên Ban kiểm soát	0,06%
Bà Trần Thị Kim Thanh	Hà Nội	Thành viên Ban kiểm soát	0,023%
Công ty CP địa chất và khoáng sản - Vinacomin	Hồ Chí Minh	Công ty con trong Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	-
Công ty CP than Cao Sơn - Vinacomin	Quảng Ninh	Công ty con trong Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	-
Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin	Quảng Ninh	Công ty con trong Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	-
Công ty than Dương Huy - TKV	Quảng Ninh	Chi nhánh trực thuộc Tập đoàn	-
Công ty than Hạ Long - TKV	Quảng Ninh	Chi nhánh trực thuộc Tập đoàn	-
Công ty than Mạo Khê - TKV	Quảng Ninh	Chi nhánh trực thuộc	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV**

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

		Tập đoàn	
Công ty CP than Vàng Danh - Vinacomin	Quảng Ninh	Công ty con trong Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	-
Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP	Hà Nội	Công ty con trong Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	-
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Hà Nội	Công ty con trong Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	-
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Hà Nội	Công ty con trong Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	-
Công ty Tư vấn quản lý dự án - Vinacomin	Hà Nội	Chi nhánh trực thuộc Tập đoàn	-
Công ty CP Tin học công nghệ môi trường - Vinacomin	Quảng Ninh	Công ty con trong Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	-
Công ty Than Nam Mẫu - TKV	Quảng Ninh	Chi nhánh trực thuộc Tập đoàn	-

Trong kỳ tài chính bắt đầu vào ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như được trình bày dưới đây:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Số tiền (VND)
Công ty Tư vấn quản lý dự án - Vinacomin	Chi nhánh trực thuộc Tập đoàn	Bán hàng hóa dịch vụ	25.920.487
Công ty Than Nam Mẫu - TKV	Chi nhánh trực thuộc Tập đoàn	Bán hàng hóa dịch vụ	91.794.380
Công ty CP Tin học công nghệ môi trường - Vinacomin	Công ty con trong Tập đoàn	Bán hàng hóa dịch vụ	41.124.294
		Mua hàng hóa	189.903.500
Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam	Công ty mẹ	Cổ tức được chia	3.956.000.000

Vào ngày kết thúc kỳ tài chính 30/06/2018, các khoản phải thu, phải trả chủ yếu của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tài khoản	Số dư tại 30/06/2018 (VND)
Công ty Tư vấn quản lý dự án - Vinacomin	Chi nhánh trực thuộc Tập đoàn	Phải thu ngắn hạn khác	165.566.955

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV**

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tài khoản	Số dư tại 30/06/2018 (VND)
Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam	Công ty mẹ	Phải trả ngắn hạn khác	2.895.745.064
		Phải thu khách hàng	(74.937.808)
Công ty CP Tin học công nghệ môi trường - Vinacomin	Công ty con trong Tập đoàn	Phải trả người bán	163.657.127
Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP	Công ty con trong Tập đoàn	Phải thu khách hàng	43.758.649
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Công ty con trong Tập đoàn	Phải thu khách hàng	5.533.163.194
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Công ty con trong Tập đoàn	Phải thu khách hàng	4.845.227.960
Công ty CP than Vàng Danh - Vinacomin	Công ty con trong Tập đoàn	Phải thu khách hàng	287.389.904
Công ty than Mạo Khê - TKV	Chi nhánh trực thuộc Tập đoàn	Phải thu khách hàng	5.408.295.117
Công ty CP địa chất và khoáng sản - Vinacomin	Công ty con trong Tập đoàn	Phải thu khách hàng	1.452.897.467
Công ty CP than Cao Sơn - Vinacomin	Công ty con trong Tập đoàn	Phải thu khách hàng	755.457.840
Công ty CP than Mông Dương-Vinacomin	Công ty con trong Tập đoàn	Phải thu khách hàng	2.855.525.306
Công ty than Dương Huy - TKV	Chi nhánh trực thuộc Tập đoàn	Phải thu khách hàng	2.336.688.840
Công ty than Hạ Long - TKV	Chi nhánh trực thuộc Tập đoàn	Phải thu khách hàng	3.076.226.040

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc:

**Từ 01/01/2018
đến 30/06/2018
(VND)**

Thu nhập của Ban Giám đốc	95.910.000
Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	672.031.685
Cổ tức năm 2017 chia cho Ban Giám đốc, HĐQT, Ban Kiểm soát	68.250.000
Cộng	836.191.685

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

7.4 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu vào ngày 01/01/2017 và kết thúc ngày 30/06/2017 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Nguyễn Duy Dũng



Cao Thị Tuyết Lan



Lê Đức Long